

Phụ lục IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CÔNG TY CP BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ
Số: 05/BC-BBĐPM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Mỹ, ngày 16 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 3500874315 (số cũ: 4903000566) do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 19/05/2008, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 17/08/2022.
- Vốn điều lệ: 42.000.000 (Bốn mươi hai tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 42.000.000 (Bốn mươi hai tỷ đồng)
- Địa chỉ: Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Phú Mỹ, Bà Rịa-Vũng Tàu
- Số điện thoại: 0254 3 921 999; Số fax: 0254 3 921 966;
- Website: www.dpmp.vn
- Mã cổ phiếu: PMP
- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:
 - + Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ tiền thân là Nhà máy Sản xuất bao bì Hương Phong, thuộc Công ty TNHH Hương Phong được chính thức vận hành từ ngày 1/10/2004 với công suất thiết kế 30 triệu bao phân bón, nông sản và xi măng.
 - + Ngày 17/04/2008, Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ trên cơ sở hợp tác giữa Tỉnh ủy tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đề cử doanh nghiệp trực thuộc là Công ty TNHH Hương Phong và Công ty con là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí tham gia góp vốn thành lập.



- + Ngày 19/05/2008 Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
- + Ngày 20/10/2010, khởi công xây dựng Dự án mở rộng quy mô và nâng cao năng lực Nhà máy sản xuất Bao bì giai đoạn 2. Năm 2012 Dự án hoàn thành và đi vào sản xuất, nâng công suất toàn nhà máy lên 45 triệu bao phân bón, nông sản và xi măng. Trong quá trình hoạt động, Công ty tiếp tục đầu tư bổ sung, đồng bộ hóa hệ thống máy móc thiết bị, dừng vận hành dây chuyền sản xuất dòng bao xi măng, cơ cấu lại danh mục sản phẩm. Đến thời điểm hiện tại, công suất toàn nhà máy đạt 60 triệu bao phân bón, nông sản.
- + Ngày 22/05/2015, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành Công ty đại chúng. Ngày 30/06/2015, Cổ phiếu Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 400/QĐ-SGDHN. Ngày 22/09/2015 cổ phiếu PMP giao dịch phiên đầu tiên trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- + Năm 2017 Công ty hoàn thành đầu tư Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm mới, dòng bao bì Jumbo, bao gồm 1 dây chuyền sản xuất bao Jumbo hoàn chỉnh và hệ thống xưởng may Jumbo sạch, đến nay hàng năm sản lượng đạt được 500 - 800 nghìn bao.
- + Ngày 05/04/2022, Chi nhánh Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ - Nhà máy sản xuất Bao bì Jumbo được cấp phép hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký số 3500874315-001, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 20/04/2022. Nhà máy sản xuất Bao bì Jumbo, được thành lập trên cơ sở tách Xưởng May thử nghiệm trực thuộc phân xưởng Sản phẩm, là đơn vị hạch toán phụ thuộc, chuyên sản xuất các loại bao bì từ PP, PE cỡ lớn, có thể chứa đến 2 tấn sản phẩm/bao. Nhà máy Jumbo được xây dựng mới, nằm trong khuôn viên Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ, đáp ứng điều kiện cơ sở hạ tầng theo tiêu chuẩn FSSC 2022, đưa vào vận hành chính thức từ tháng 4/2022. Ngày 14/12/2022, Nhà máy sản xuất Bao bì Jumbo chính thức nhận giấy chứng nhận tiêu chuẩn FSSC cho sản xuất dòng bao bì đựng thực phẩm.
- + Ngày 29/09/2023, Xưởng Sản phẩm thuộc Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ chính thức cấp giấy chứng nhận tiêu chuẩn FSSC. Xưởng Sản phẩm sản xuất hoàn thiện sản phẩm bao gồm các công đoạn sau tạo sợi và dệt vải như: In, cắt – may – lồng bao, đóng gói.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

- + Sản xuất các sản phẩm bao bì PP, PK, PE;
- + Mua bán các sản phẩm bao bì PP, PK, PE, mua bán phân bón các loại; mua bán nguyên vật liệu sản xuất bao bì, nhựa PP, PE;
- + Kinh doanh vật liệu xây dựng, hàng điện tử;

- + Mua bán nhiên liệu động cơ;
- + Vận tải bằng ô tô;
- + Mua bán vật tư, thiết bị ngành công nghiệp;
- + Mua bán giấy, vở, bìa các tông, văn phòng phẩm;
- + Cho thuê kho bãi;
- + In ấn, và các dịch vụ liên quan đến in...

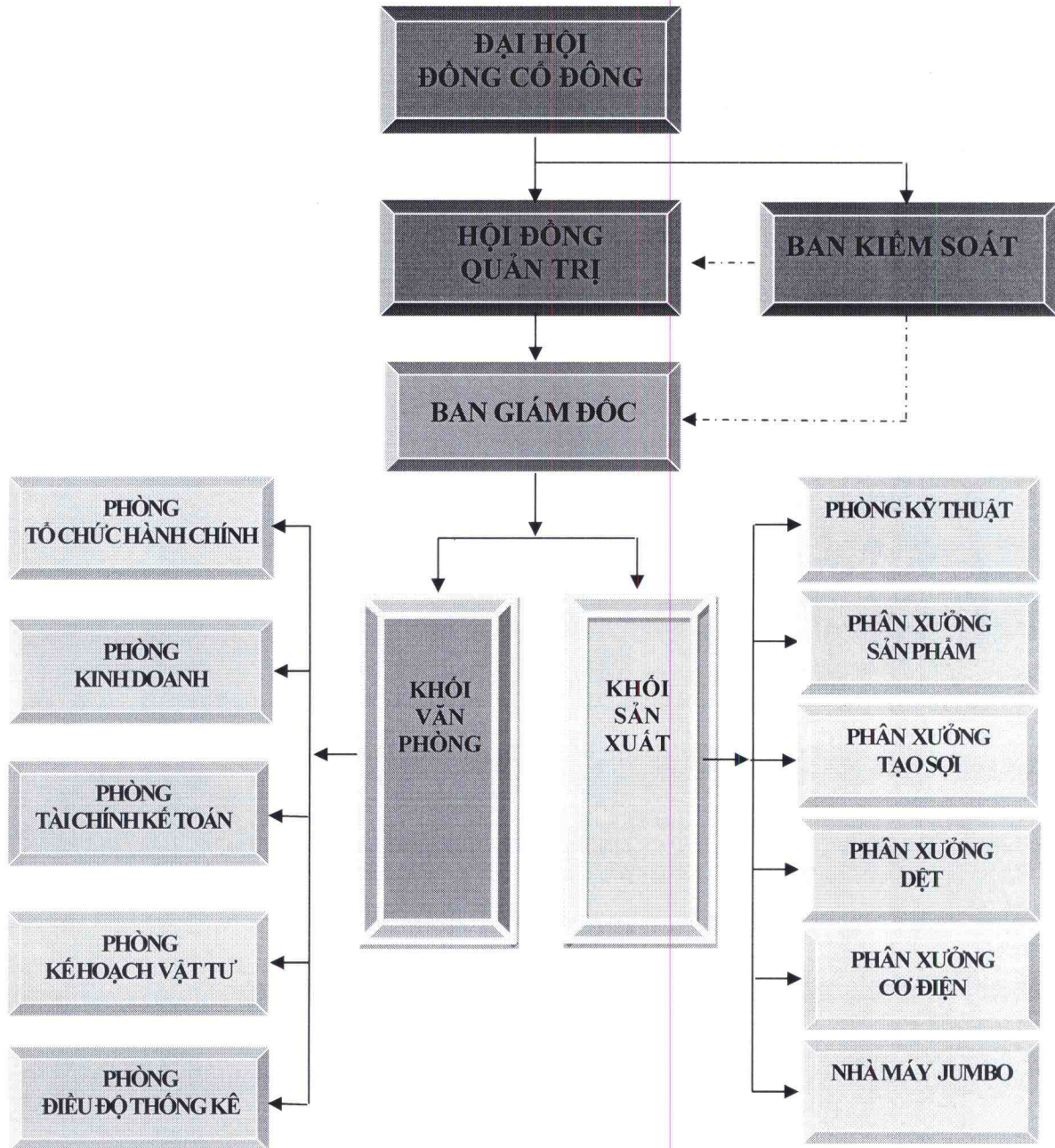
Trong đó ngành nghề kinh doanh chính chiếm từ 10% tổng doanh thu trở lên là sản xuất và kinh doanh sản phẩm bao bì PP, PE.

- Địa bàn kinh doanh: Không có

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:
 - + Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
 - + Hội đồng quản trị (HĐQT): Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. HĐQT Công ty gồm 05 thành viên, có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty.
 - + Ban kiểm soát (BKS): Ban kiểm soát do ĐHCĐ bầu ra, là cơ quan thay mặt cổ đông để giám sát HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát gồm 03 thành viên.
 - + Ban điều hành (BDH): Bao gồm Ban Giám đốc và Kế toán trưởng. Ban Giám đốc gồm 01 Giám đốc và các Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm. Giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc. Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị về hoạt động tài chính của Công ty.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:

- + Sơ đồ tổ chức của Công ty.



- + Bộ máy quản lý cấp Ban điều hành trở lên (như mục mô hình quản trị);
 - + Bộ máy quản lý cấp dưới Ban điều hành gồm Trưởng/phó các phòng ban theo sơ đồ tổ chức của Công ty.
 - Các công ty con, công ty liên kết: Không có.
- 4. Định hướng phát triển**
- Định hướng phát triển của Công ty: Gia tăng được lợi thế cạnh tranh và mở rộng thị trường, nâng cao uy tín thương hiệu của Công ty trên thị trường trong nước và xuất khẩu.
 - Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
 - + Quản lý và vận hành Nhà máy an toàn, hiệu quả.

- + Khai thác năng suất máy > 90% công suất thiết bị.
 - + Thời gian dừng máy do sự cố thiết bị <1% so với tổng thời gian vận hành.
 - + Sản xuất và cung cấp sản phẩm bao bì đảm bảo chất lượng, ổn định, với giá hợp lý và hiệu quả cho khách hàng.
 - + Hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến khách hàng, nhằm thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của khách hàng.
 - + Gia tăng tỷ trọng xuất khẩu.
 - + Đẩy mạnh phát triển dòng sản phẩm Bao bì Jumbo.
 - + Gia tăng thị phần dòng sản phẩm BOPP, bao bì đựng thực phẩm, bao bì chứa hóa chất, bao bì tái chế.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
- + Sản phẩm luôn có chất lượng cao và ổn định.
 - + Nằm trong Top 10 các công ty sản xuất bao bì trong nước về sản lượng sản xuất Bao bì
 - + Trở thành nhà cung cấp đáng tin cậy cho thị trường Nhật Bản, EU và Hoa Kỳ.
 - + Đa dạng hóa sản phẩm trên cơ sở tập trung vào một số dòng sản phẩm xuất khẩu chọn lọc có giá trị gia tăng cao.
 - + Trở thành những chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực bao bì, giúp khách hàng giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan tới sử dụng bao bì (thiết kế bao bì mới, nhận diện được sản phẩm thật/giả, logistics,...).
 - + Luôn đảm bảo hiệu quả kinh tế cho Công ty và khách hàng. Duy trì LNST/VĐL không thấp hơn 20%.
 - + Duy trì mức cổ tức hàng năm không thấp hơn 10%.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:
- + Duy trì việc làm hàng năm cho khoảng 500 lao động, trong đó ưu tiên việc tiếp nhận lao động địa phương.
 - + Không vi phạm các chỉ tiêu đạt chuẩn môi trường đã công bố, đăng ký.
 - + Hàng năm thực hiện công tác an sinh xã hội, trao quà cho các đối tượng chính sách, ít nhất 1 lần/năm.

5. Các rủi ro/Risks:

a. Rủi ro kinh tế:

Sự phát triển của nền kinh tế ảnh hưởng đáng kể đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Khi nền kinh tế phát triển kéo theo sự phát triển của các ngành, các doanh nghiệp. Giao thương hàng hóa sôi động sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng

bao bì, đòi hỏi mẫu mã đẹp hơn để đẩy mạnh quảng bá thương hiệu thu hút người tiêu dùng, chất lượng bao bì tốt hơn để bảo quản sản phẩm đúng quy định hơn. Ở chiều ngược lại, sự phát triển kém sôi động của các yếu tố vĩ mô làm cho các doanh nghiệp hoạt động không tốt sẽ cần tiết giảm chi phí cho việc thiết kế mẫu mã bao bì hoặc tìm các nguồn cung khác với giá rẻ,... Dù nền kinh tế thay đổi theo chiều hướng nào cũng đều tác động đến nhu cầu sử dụng bao bì, do đó tác động đến các đơn vị cung cấp vỏ bao về việc nắm bắt thị hiếu tiêu dùng để xây dựng mục tiêu và định hướng phát triển doanh nghiệp.

b. Rủi ro cạnh tranh

Ngành nhựa bao bì còn nhiều dư địa tăng trưởng, đồng thời số lượng công ty sản xuất bao bì lớn, điều này khiến mức độ cạnh tranh trong mảng nhựa bao bì ngày càng gia tăng. Các doanh nghiệp phải đối mặt trước hết cạnh tranh về giá thành sản xuất, chất lượng, mẫu mã sản phẩm để chiếm lĩnh thị trường đầu ra nhằm đảm bảo mức lợi nhuận kỳ vọng. Ngoài ra, nhằm thu hút khách hàng, buộc các đơn vị cung cấp đưa ra những chính sách cạnh tranh về dịch vụ, cho thời hạn nợ dài hơn, điều này dẫn đến những rủi ro về việc thu hồi công nợ, thương thảo hợp đồng,...

Ở chiều hướng khác, việc có thêm các doanh nghiệp nhựa gia nhập thị trường tạo ra sự bất lợi hơn cho các doanh nghiệp đi trước về việc cải tiến công nghệ sản xuất. Điều này là do đặc thù công nghệ sản xuất và thiết bị thường xuyên thay đổi nhưng giá trị đầu tư lại lớn, nếu thị hiếu người tiêu dùng thay đổi liên quan đến việc thay đổi công nghệ sản xuất, đầu tư mới thiết bị sẽ là lựa chọn khó khăn cho các doanh nghiệp đi trước.

c. Rủi ro giá nguyên liệu đầu vào nhập khẩu

Là doanh nghiệp sản xuất bao bì nên nguyên liệu đầu vào chính của Công ty là hạt nhựa. Giá trị nguyên liệu nhựa chiếm đến gần 80% giá thành sản xuất sản phẩm. Hiện nguồn nguyên liệu sử dụng cho hoạt động sản xuất tại Công ty chiếm hơn 90% là từ nguồn nhập khẩu. Do đó, hoạt động của Công ty chịu tác động chủ yếu và sự biến động giá nguyên liệu nhập khẩu theo giá dầu. Ngoài ra, giá nhựa còn chịu rủi ro biến động theo giá nhập khẩu nguyên vật liệu, giá thành sản xuất còn chịu ảnh hưởng về độ trễ của quá trình nhập nhựa, kéo dài thường từ 45-60 ngày. Khi nhựa về đến Công ty thì giá nhựa đã có những thay đổi nhất định trong khi đó việc chốt giá bán đơn hàng theo giá cập nhật tại thời điểm nhận đơn hàng. Do vậy, rủi ro biến động giá nguyên vật liệu tác động chính đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

d. Rủi ro lãi suất

Vốn lưu động của Công ty chủ yếu từ nguồn vốn vay ngân hàng. Việc này làm phát sinh rủi ro lãi suất. Trong năm, lãi suất cho vay đối với khu vực sản xuất kinh doanh có sự điều chỉnh nên đã ảnh hưởng đáng kể đến chi phí tài chính của doanh nghiệp.

e. Rủi ro tỷ giá

Ngoài việc chịu ảnh hưởng của tỷ giá cho hoạt động mua nguyên vật liệu đầu

vào hoặc các máy móc thiết bị không thể mua được từ thị trường trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất, Công ty còn có các mặt hàng xuất khẩu ra nước ngoài, phần thu ngoại tệ cũng tác động đến doanh thu của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty sử dụng một phần vốn vay ngân hàng bằng đồng ngoại tệ nên khi tỷ giá biến động sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính của Công ty. Do đó, rủi ro tỷ giá là cũng là một rủi ro quan trọng được Công ty theo dõi và đánh giá thường xuyên để có những động thái phù hợp về bán hàng trong quá trình giao thương.

f. Rủi ro sử dụng sản phẩm thay thế

Các sản phẩm từ nhựa hiện nay đang được tiêu thụ rộng rãi các sản phẩm nhựa bởi tính nhẹ, bền, dẻo dai và chi phí thấp. Chính vì những ưu điểm đó mà việc sử dụng rộng rãi đã tạo cho các sản phẩm này lợi thế mà ít các sản phẩm hay chất liệu khác có thể dùng để thay thế được. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của khoa học và công nghệ vật liệu, tính bất ngờ của các sản phẩm thay thế cho nhựa là không thể bỏ qua. Đồng thời, liên quan đến bảo vệ môi trường, bao bì thân thiện với môi trường sẽ là xu hướng tiêu dung thay thế sản phẩm bao bì nhựa. Tuy nhiên, với dòng sản phẩm công ty đang cung cấp thì khả năng thay thế thấp hơn. Do vậy, tác động từ sản phẩm thay thế trong kế hoạch ngắn hạn là không đáng kể, tuy nhiên, để xác định định hướng phát triển thì đây là yếu tố có tác động rất lớn để xây dựng mục tiêu phát triển và kế hoạch đầu tư thay đổi công nghệ, thiết bị sản xuất.

g. Rủi ro về dịch bệnh

Khi tình hình dịch bệnh lây lan mang tính toàn cầu sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các nước sẽ phải sử dụng các biện pháp đối phó, ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh khiến hoạt động sản xuất, giao thương bị đình trệ, dẫn đến nguồn cung lao động cũng như hàng hóa trở lên khan hiếm, làm tăng chi phí lưu kho do dự trữ nguyên vật liệu cho sản xuất cũng như tăng chi phí tồn kho thành phẩm khi chưa xuất được hàng.

h. Rủi ro chiến tranh

Khi chiến tranh xảy ra, ngoài sự tổn thất của những nước giao tranh, còn gây tác động dây chuyền tới nền kinh tế toàn cầu do sự tham gia hội nhập sâu rộng và các chính sách mở cửa đối với nền kinh tế toàn cầu. Từ cuối năm 2021 đến nay, cuộc chiến giữa Nga – Ukraina vẫn chưa đi đến hồi kết đã làm trầm trọng thêm các tác động tiêu cực đến nền kinh tế toàn cầu, kìm hãm đà phục hồi nền kinh tế sau đại dịch. Các biện pháp đối phó với chiến tranh tiếp tục ngăn trở giao thương kinh tế, phá vỡ các chuỗi cung ứng từ sản xuất nông nghiệp, nguyên vật liệu cho tới những sản phẩm cuối cùng cung cấp cho cuộc sống như lương thực, thực phẩm, thức ăn gia súc, vật liệu xây dựng... đã khiến sản xuất tiếp tục ngừng trệ, hàng hóa vật chất hạn chế, lạm phát tăng cao tại các nước... ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu sử dụng bao bì.

i. Rủi ro luật pháp

Là Công ty sản xuất kinh doanh sản phẩm Bao bì nhựa, niêm yết trên sàn chứng khoán, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối của Luật Doanh

nghiệp, đồng thời chịu sự điều chỉnh của các luật khác như: Luật Chứng khoán, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế bảo vệ tài nguyên môi trường...

j. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như: Bão lớn, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất,... Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất đối với Công ty. Công ty thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty để hạn chế bớt các rủi ro này.

k. Các hoạt động quản trị rủi ro

Công ty áp dụng Hệ thống tiêu chuẩn ISO 9001; 14001; 45001 và FSSC22000 trong việc quản trị rủi ro liên quan đến chất lượng sản phẩm, an toàn lao động, đảm bảo môi trường và an toàn thực phẩm. Hoạt động này được đánh giá hàng năm và duy trì thực hiện tốt trong nhiều năm qua.

Ngoài ra, thông qua báo cáo định kỳ hàng tháng, các Bộ phận chuyên môn nhận định tình hình, xây dựng mục tiêu hàng tháng theo chức năng năng, nhiệm vụ của mình, xác định các rủi ro và các đưa ra biện pháp để loại bỏ/né tránh/chấp nhận để giải quyết vấn đề một cách phù hợp với tình hình thực tế nhằm đạt được mục tiêu đề ra.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm như sau:

| Stt | Chỉ tiêu | Đvt | KH 2023 | TH 2023 | TH 2022 | TH/KH 2023 | TH/CK |
|----------|-----------------------------|---------|---------------|---------------|--------------|---------------|-------------|
| | | | 1 | 2 | 3 | 4=2/1 | 5=2/3 |
| 1 | Sản lượng sản xuất | | | | | | |
| 1.1 | Bao bì truyền thống | tr.bao | 50,00 | 78,7 | 68,12 | 157% | 116% |
| 1.2 | Bao jumbo | ng.bao | 600,00 | 623,0 | 456,09 | 104% | 137% |
| 2 | Sản lượng tiêu thụ | | | | | | |
| 2.1 | Bao bì truyền thống | tr.bao | 50,00 | 78,1 | 73,45 | 156% | 106% |
| 2.2 | Bao jumbo | Ng.bao | 600,00 | 627 | 506,77 | 105% | 124% |
| 3 | Tổng doanh thu | tỷ đồng | 381,57 | 539,15 | 552,8 | 141% | 98% |
| 4 | Tổng chi phí | tỷ đồng | 373,63 | 529,83 | 543,6 | 142% | 97% |
| 4.1 | Giá vốn hàng bán | tỷ đồng | 331,32 | 476,66 | 491,56 | 144% | 97% |
| 4.2 | Chi phí bán hàng | tỷ đồng | 9,83 | 12,73 | 14,34 | 130% | 89% |
| 4.3 | Chi phí quản lý | tỷ đồng | 23,52 | 31,57 | 27,59 | 134% | 114% |
| 4.4 | Chi phí tài chính và khác | tỷ đồng | 8,96 | 8,87 | 10,15 | 99% | 87% |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | tỷ đồng | 7,94 | 9,32 | 9,15 | 117% | 102% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | tỷ đồng | 6,35 | 7,30 | 7,14 | 115% | 102% |

- Các chỉ tiêu về sản lượng sản xuất, sản lượng kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận của

Công ty đều hoàn thành vượt mức kế hoạch 2023 đề ra. Dòn bao truyền thống, sản lượng sản xuất vượt 57%, sản lượng tiêu thụ vượt 56%; dòng bao Jumbo sản lượng sản xuất vượt 4%, sản lượng tiêu thụ vượt 5%; tổng doanh thu vượt 41%; tuy nhiên do mức tăng chi phí cao hơn mức tăng doanh thu nên lợi nhuận trước thuế chỉ vượt 17% và lợi nhuận sau thuế chỉ vượt 15% so với kế hoạch đề ra.

- Nguyên nhân kết quả hoàn thành vượt mức kế hoạch như sau: Sau đại dịch covid-19 là sự sụt giảm sản xuất, đơn hàng giảm đến 30-40% trong năm 2022. Khi nền kinh tế toàn cầu chưa kịp hồi phục thì tiếp tục xảy ra cuộc chiến Nga - Ucraina. Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo đã nhận định đây là sự suy giảm kéo dài do các điều kiện dịch bệnh, chiến tranh, mâu thuẫn quốc tế lớn, không thể dứt điểm trong một sớm một chiều. Đồng thời, với phương châm hôm qua xấu, hôm nay xấu, ngày mai chưa chắc đã tốt lên, không phải tình hình toàn nền kinh tế nói chung đã tốt hơn mà chắc chắn rằng, một số đối thủ cạnh tranh đã không thể trụ vững, nếu như họ thì sẽ không thể vượt qua, nên phải có phương cách vượt lên. Do vậy, Ban điều hành Công ty đã đề ra và tập trung vào 4 biện pháp:

- (1) Mở rộng thị trường, chiếm khách hàng: Dù khó khăn kinh doanh, khó khăn cả chi phí nhưng xác định nếu ngồi yên, cắt giảm chi phí marketing thì không có khách hàng, đồng nghĩa hết việc để làm. Do vậy, Công ty Bao bì đã tích cực phát triển thị trường trong và ngoài nước, chấp nhận tăng chi phí đi thị trường. Giai đoạn khó khăn, các doanh nghiệp đối thủ không còn đủ sức giữ khách hàng thì đây chính là cơ hội để tiếp cận khách hàng. Nếu chỉ tác động bình thường, sẽ rất khó chen chân vào khách hàng. Khi khách hàng dừng đặt hàng, đơn vị đối thủ ngừng liên hệ, tạo cơ hội để ta thiết lập mối quan hệ với khách hàng đó.
- (2) Nâng cao phẩm cấp sản phẩm: Với cùng công đoạn, cách thức vận hành nhưng giá trị sản phẩm cao hơn, do vậy, Công ty Bao bì xác định thị trường mục tiêu là dòng bao bì thực phẩm. Mặc dù vốn tích lũy hạn chế, nhưng Công ty Bao bì đã chấp nhận vay, thuê tài chính để cải tiến nhà xưởng, máy móc thiết bị và tiến hành đào tạo công nhân đáp ứng tiêu chuẩn như ISO 22000, FSSC - tiêu chuẩn an toàn thực phẩm.
- (3) Cải tổ quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất, cắt giảm chi phí mà chìa khóa chính là số hóa sản xuất. Công ty đẩy nhanh việc xây dựng Hệ thống phần mềm quản lý sản xuất để có thể tổ chức quản lý sản xuất chặt chẽ, thông suốt theo thời gian thực, giảm tồn nguyên vật liệu, bán thành phẩm giữa các khâu, giảm thiểu hụt đơn hàng, xuất hàng kịp thời... tiết giảm chi phí.
- (4) Đào tạo và đào tạo lại con người, tinh lọc lao động tại chỗ, tuyển dụng nguồn nhân lực tốt ra đi từ các doanh nghiệp khác. Sàng lọc lao động, người còn ở lại quý trọng hơn công việc, cố gắng hơn trong sản xuất. Đồng thời, đẩy mạnh tuyển dụng nhân sự tốt ra đi ở các đơn vị khác, chọn được người tốt hơn, tăng tinh thần cạnh tranh cho lao động hiện hữu.

Nhờ quyết liệt thực hiện được các biện pháp đã đề ra, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đặt ra.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành.

a. ÔNG TRẦN ANH TÚ – THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1977

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| Từ 1999-2001 | Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Phát triển INVESTPRO | Phó phòng Luật |
| Từ 2001- 2007 | Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, Công ty Cơ khí Ngô Gia Tự | Trưởng Ban Dự án |
| Từ 2005- 2008 | Công ty TNHH VIBank –NGT | Giám đốc Dự án |
| Từ 2008 - 2009 | Công ty Cổ phần Bất động sản Quốc tế | Giám đốc điều hành |
| Từ 05/2009 – 6/2012 | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Phó trưởng Ban Pháp chế |
| Từ 07/2012 đến nay | Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ | Thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành |

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 100 cổ phần, chiếm 0,005% vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí: 1.064.300 cổ phần cổ phần, chiếm 26,34% vốn điều lệ.
- Những người có liên quan:

| Tên người có liên quan | Mối quan hệ | Số lượng CP nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ (%) |
|------------------------|-------------|---------------------|-------------------|
| Trần Đăng Tuấn | Bố đẻ | 0 | 0% |
| Phạm Thị Thoan | Mẹ đẻ | 0 | 0% |
| Trần Hải Thanh | Em ruột | 0 | 0% |
| Vũ Thị Huyền | Vợ | 0 | 0% |

| Tên người có liên quan | Mối quan hệ | Số lượng CP nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ (%) |
|-------------------------------------------|-------------|---------------------|-------------------|
| Trần Ngọc Bảo Đan | Con | 0 | 0% |
| Trần Vũ Thiên Ân | Con | 0 | 0% |
| Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí | Chủ sở hữu | 1.820.300 | 43,34% |

b. BÀ VÕ THỊ HUỆ - PHÓ GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1989

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|
| Từ 5/2011-3/2012 | Công ty TNHH Thanh Bình | Chuyên viên Kinh doanh Xuất khẩu. |
| Từ 3/2012-9/2012 | Công ty TNHH SX-TM-DV Sinh Hùng | Chuyên viên thu mua |
| Từ 10/2012-5/2014 | Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ | Chuyên viên Kinh doanh |
| Từ 5/2014-3/2016 | Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ | Phó phòng Kinh doanh |
| Từ 4/2016-12/2020 | Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ | Trưởng phòng Kinh doanh |
| Từ 2021 đến nay | Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ | Phó Giám đốc |

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- + Những người có liên quan:

| Tên người có liên quan | Mối quan hệ | Số lượng CP nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ (%) |
|------------------------|-------------|---------------------|-------------------|
| Võ Khôi Thiệm | Cha | 0 | 0% |
| Lê Thị Nhỏ | Mẹ | 0 | 0% |
| Võ Khôi Tin | Anh ruột | 0 | 0% |
| Trần Thị Kim Thoa | Chị dâu | 0 | 0% |
| Võ Khôi Tức | Anh ruột | 0 | 0% |
| Phạm Thị Minh Thuý | Chị dâu | 0 | 0% |
| Võ Thị Minh | Chị ruột | 0 | 0% |
| Võ Đình Nhi | Anh rể | 0 | 0% |
| Võ Thị Xuân | Chị ruột | 0 | 0% |
| Phạm Gia Long | Con | 0 | 0% |

c. ÔNG VŨ NGUYỄN HÒA – PHÓ GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1990

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|
| 11/2013-3/2015 | Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng | Trợ lý sản xuất |
| 4/2015-3/2018 | Kinh doanh hộ gia đình | |
| 4/2018-5/2022 | Công ty Cổ Phần Bao Bì Đạm Phú Mỹ | Phó quản đốc PX Tạo sợi – Dệt |
| 6/2022-11/2022 | Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ | Quản đốc PX Dệt |
| 12/2022-hiện tại | Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ | Trưởng Phòng Kỹ thuật - Sản xuất |
| 08/2023-hiện tại | Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ | Phó Giám đốc KTSX |

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.

Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

- Sở hữu cá nhân: cổ phần; chiếm 0%% vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

**d. ÔNG CAO VĨNH HẬU – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Năm sinh: 1979

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|------------------|-------------------------------------|------------------|
| 1/2002 - 6/2003 | CTCP Đầu tư công nghệ Bách Việt | Kế toán tổng hợp |
| 7/2003 - 10/2004 | IDICO CONAC | Kế toán tổng hợp |
| 11/2004 – 2007 | Nhà máy sản xuất Bao bì Hương Phong | Kế toán tổng hợp |
| 2007 đến nay | Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ | Kế toán trưởng |

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.

Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

- Sở hữu cá nhân: cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

- Danh sách thay đổi thành viên Ban điều hành trong năm 2023: Bổ nhiệm Phó Giám đốc – Vũ Nguyên Hòa kể từ ngày 01/08/2023.

Số lượng cán bộ công nhân viên

| STT | Tính chất phân loại | Số lượng (người) | Tỷ lệ |
|-----|-------------------------------|---------------------|-------------|
| A | Theo trình độ lao động | 510 | 100% |
| - | Trình độ trên đại học | 01 | 0,2% |
| - | Trình độ đại học, cao đẳng | 90 | 17,98% |

| STT | Tính chất phân loại | Số lượng (người) | Tỷ lệ |
|----------|---------------------------------------|---------------------|-------------|
| - | Trình độ trung cấp | 43 | 8% |
| - | Công nhân kỹ thuật | 162 | 32% |
| - | Lao động phổ thông | 214 | 42% |
| B | Theo loại hợp đồng lao động | 510 | 100% |
| - | Hợp đồng không thời hạn | 205 | 40% |
| - | Hợp đồng xác định thời hạn dưới 3 năm | 305 | 60% |
| C | Theo giới tính | 510 | 100% |
| - | Nam | 238 | 47% |
| - | Nữ | 272 | 53% |

- Thu nhập bình quân

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---------------------------------------|------------|------------|
| Tổng số lượng người lao động (người) | 510 | 366 |
| Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng) | 11.040.000 | 10.900.000 |

- Chính sách nhân sự:** Với mục tiêu ngày càng nâng cao hiệu quả kinh doanh và đời sống cho người lao động, tạo động lực cho nhân viên không ngừng phấn đấu và gắn bó lâu dài với Công ty, Công ty đã đặt ra kế hoạch và chính sách đối với người lao động như sau:
- + Nâng cao năng suất, chất lượng lao động trong toàn Công ty.
 - + Chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, tổ chức đào tạo nội bộ định kỳ để CBCNV liên tục được chia sẻ, cập nhật thông tin để nâng cao hiệu quả công việc.
 - + Bố trí, đào tạo, luân chuyển và phát triển nguồn nhân lực theo hướng khai thác.
 - + Tuyển dụng đủ nhân sự để dự phòng và lọc lựa đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
 - + Đảm bảo mức thu nhập bình quân của người lao động cạnh tranh với thị trường và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu cuộc sống của người lao động.
 - + Người lao động làm việc tại Công ty được hưởng đầy đủ các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp ốm đau, thai sản, dưỡng sức, phục hồi sức khỏe, trợ cấp thôi việc theo đúng luật định.

- + Xây dựng tinh thần đoàn kết, tác phong chuyên nghiệp, tinh thần kỷ luật cao trong đội ngũ cán bộ - công nhân viên.
- + Tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiện đại; khuyến khích cho cán bộ - công nhân viên học tập, nâng cao trình độ.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có
- b) Các công ty con, công ty liên kết: *Không có*

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2022 | Năm 2023 | % tăng/giảm |
|-----|----------------------------|-------------|----------|------------------|-------------|
| 1 | Tổng tài sản | Tỷ đồng | 239,54 | 238,3 | 99,5% |
| 2 | Doanh thu thuần | Tỷ đồng | 552,78 | 539,15 | 97,5% |
| 3 | Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh | Tỷ đồng | 9,28 | 9,441 | 101,7% |
| 4 | Lợi nhuận khác | Tỷ đồng | (0,133) | (0,125,5) | |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 9,15 | 9,32 | 101,9% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 7,14 | 7,3 | 102,2% |
| 7 | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | % | 12% | 10% | 83,3% |

Tổng tài sản: Chỉ tiêu tổng tài sản của Công ty năm 2023 giảm nhẹ 0,5% so với năm 2022. Trong đó phần giảm chủ yếu nằm ở tài sản ngắn hạn và chủ yếu do khoản phải thu khách hàng giảm xuống do Công ty đã tăng cường công tác thu hồi công nợ. Công tác thu hồi công nợ được siết chặt, kiểm soát tốt hơn.

Doanh thu thuần: năm 2023 đạt 539,15 tỷ đồng, giảm 2,5% so với năm 2022. Doanh thu giảm là do năm 2023 cơ cấu sản phẩm có sự khác biệt, mặt dù sản lượng tiêu thụ tăng nhưng giá của các sản phẩm riêng biệt thấp hơn năm 2022 nên doanh thu giảm nhẹ so với năm 2022.

Lợi nhuận: Lợi nhuận thực hiện trước thuế và sau thuế năm 2023 tăng nhẹ so với lợi nhuận thực hiện năm 2022. Chủ yếu do cơ cấu sản phẩm có sự thay đổi, Công ty chú trọng sản xuất những sản phẩm có hiệu quả hơn, đồng thời Công ty cũng siết chặt chi phí mặc dù doanh thu giảm nhưng lợi nhuận có hiệu quả hơn.

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2022 | Năm 2023 |
|----------------------------------------------------------|-----|----------|-------------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | Lần | 1,04 | 1,05 |

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2022 | Năm 2023 |
|---------------------------------------------------------------------------|-----|----------|---------------|
| Khả năng thanh toán nhanh = (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | Lần | 0,58 | 0,58 |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 71,8% | 71,16% |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 254,63% | 247% |

Về khả năng thanh toán: Năm 2023 chỉ số khả năng thanh toán ngắn hạn tăng hơn so với năm 2022 là 0,01 điểm, chỉ số khả năng thanh toán nhanh tăng 0,1 điểm.

Về cơ cấu vốn: Tổng nợ trong năm 2023 của Công ty giảm nhẹ nên làm cho hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu đều giảm so với năm 2022. Số nợ ngắn hạn năm 2023 giảm so với năm 2022 chủ yếu ở khoản mục trả nợ NCC, Công ty đã trả và hoàn ứng các khoản ứng trước của khách hàng cuối năm. Công ty đã thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB). Mặc dù các chỉ tiêu ổn định ở mức cao, nhưng cùng với kế hoạch chi trả khoản nợ gốc và lãi vay được tính toán cẩn thận, nên các rủi ro về thanh toán của Công ty là trong vòng kiểm soát.

| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | Năm 2022 | Năm 2023 | ngày/vòng (2023) |
|----------------------------------------------------------------------|------|----------|----------|------------------|
| Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/tồn kho bình quân) | Vòng | 6,3 | 6,9 | 52 |
| Vòng quay khoản phải thu (Doanh thu thuần/tổng tài sản bình quân) | Vòng | 8,2 | 7,8 | 46,1 |

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Do là đơn vị sản xuất, quá trình sản xuất thường kéo dài nhiều ngày để hoàn thiện đơn hàng hoặc cho 1 lần giao hàng nên số hàng hóa lưu kho thành phẩm thường rất lớn. Do vậy chỉ số vòng quay hàng tồn kho thường thấp hay nói cách khác số ngày lưu kho dài hơn so với những đơn vị thương mại. Năm 2023, bình quân hàng hóa lưu kho khoảng 52 ngày. So với năm trước, hàng tồn kho giảm 5 ngày, tốc độ quay vòng hàng hóa tăng nhẹ, chỉ số này tăng từ 6,3 lên 6,9 vòng/năm. Đồng thời, trong năm 2023, vòng quay khoản phải thu là 7,8 vòng/năm tương ứng với việc số ngày bán hàng trả chậm là 44 ngày.

| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | Năm 2022 | Năm 2023 |
|---------------------------------------------------|---|----------|-------------|
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 1,3% | 1,4% |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 10,6 | 10,6 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân | % | 3,8% | 3,9% |

| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | Năm 2022 | Năm 2023 |
|-------------------------------------------------------------------|---|----------|----------|
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần | % | 1,7% | 1,7% |

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Chỉ số lợi nhuận đạt được trong năm 2023 không thay đổi so với năm 2022.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

- Cổ phần: Tổng số cổ phần phổ thông: 4.200.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 4.200.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 4.200.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 4.200.000 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

a) Cơ cấu cổ đông:

- Cơ cấu cổ đông chốt ngày 18/08/2023.

| STT | Loại cổ đông | Số lượng cổ đông | Số cổ phiếu | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ sở hữu/VĐL |
|------------|---------------------------|------------------|------------------|-----------------------|------------------|
| I | Cổ đông trong nước | 237 | 4.171.900 | 41.719.000.000 | 98,33% |
| 1 | Cổ đông nhà nước | 0 | - | - | 0,00% |
| 2 | Cổ đông tổ chức | 2 | 3.500.300 | 35.003.000.000 | 83,34% |
| 3 | Cổ đông cá nhân | 235 | 671.600 | 6.710.000.000 | 15,99% |
| II | Cổ đông nước ngoài | 7 | 28.100 | 281.000.000 | 0,67% |
| 1 | Cá nhân | 4 | 22.000 | 220.000.000 | 0,52% |
| 2 | Tổ chức | 3 | 6.100 | 61.000.000 | 0,15% |
| III | Cổ phiếu quỹ | 0 | - | - | 0,00% |
| | Tổng cộng | 244 | 4.200.000 | 42.000.000.000 | 100,00% |

- Danh sách cổ đông lớn

| STT | Tên nhà đầu tư | Số lượng cp nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|-------------------------------------------|---------------------|--------------|
| 1 | Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | 1.820.300 | 43,34% |
| 2 | Công ty TNHH Hương Phong | 1.680.000 | 40,00% |

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

- b) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.
- c) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.
- d) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường: Hoạt động của doanh nghiệp có những tác động tích cực và tiêu cực tới vấn đề môi trường và ngược lại môi trường cũng góp phần tạo nên những thuận lợi hay khó khăn trong việc sản xuất. Mọi hoạt động của Doanh nghiệp đều ảnh hưởng đến môi trường, nhất là đối với những Doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất nói chung và Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ nói riêng. Hiểu được điều đó, Công ty áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường, xử lý chất thải, khí thải, quản lý nguồn nguyên vật liệu đầu vào một cách hợp lý để đảm bảo hoạt động sản xuất được đều đặn, đạt năng suất đồng thời vừa tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu, vừa hạn chế chi phí quản lý vừa góp phần chung tay bảo vệ môi trường. Các biện pháp áp dụng tại Công ty như sau:

a. Biện pháp chung:

- Tuân thủ các chỉ tiêu đã đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.
- Các quy trình sản xuất luôn được kiểm tra và tuân thủ theo quy định, hạn chế tối đa việc phát thải ra môi trường. Tuy việc tác động đến môi trường là không thể tránh khỏi nhưng bằng việc tuân thủ theo quy trình, kịp thời sửa chữa những lỗi kỹ thuật sẽ góp phần hạn chế sự tương tác gây ô nhiễm cho môi trường.
- Sử dụng các thiết bị, dây chuyền một cách hiệu quả để tiết kiệm năng lượng và các nguyên liệu thô; hướng đến việc sử dụng những nguồn năng lượng sạch, năng lượng thiên nhiên nhằm không tạo ra những chất độc hại, thải khói bụi ảnh hưởng đến môi trường sống xung quanh Công ty.
- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho người lao động, công nhân viên về tác động tiềm tàng của hoạt động nhà máy đối với môi trường, và các biện pháp thích hợp để giảm thiểu các tác động đó.
- Liên tục theo dõi các tác động của nhà máy đối với môi trường, phân công cán bộ chuyên trách phụ trách về công tác an toàn, vệ sinh, môi trường.

b. Các biện pháp khống chế chất thải:

- Khống chế ô nhiễm không khí:

- + Bố trí thông thoáng nhà xưởng, đặc biệt là tại các vị trí làm việc có dung môi và hóa chất.
- + Khống chế bụi và khí thải: Phun nước, che phủ, lắp đặt hệ thống thông gió, thu bụi, trang bị bảo hộ cho người lao động, vệ sinh nhà xưởng sau mỗi ca làm việc.
- + Khống chế ô nhiễm hơi hydrocarbon phát sinh trong quá trình gia nhiệt: hệ thống thông gió và mang khẩu trang bảo hộ.

- + Không chế ô nhiễm khí thải các phương tiện vận chuyển: Sử dụng nhiên liệu ít gây ô nhiễm, đúng với thiết kế động cơ, chuyên chở đúng tải, bảo dưỡng xe định kỳ, chạy tốc độ chậm. Chồng nóng: xây nhà xưởng cao, trang bị hệ thống hút gió trên mái, lắp quạt gió cục bộ tại nơi công nhân sản xuất, cung cấp nước mát cho công nhân, trồng cây quanh nhà xưởng,...
- **Không chế ô nhiễm nước thải:** Phương thức chủ yếu là hạn chế nước thải phát sinh, xử lý triệt để nguồn nước thải trước khi đổ ra hệ thống thu gom nước thải Khu công nghiệp. Nước thải được chia thành 3 nhóm để xử lý. Nước thải sản xuất và nước thải từ bể phốt được tách riêng xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung.
 - + Xử lý nước thải sản xuất: Sử dụng tuần hoàn. Định kỳ thay thế nước. Nước thải chứa cặn được thu gom đưa vào hệ thống xử lý ngăn lắng và vi sinh sau đó thải ra ngoài. Nước thải rửa các khuôn in, thiết bị pha chế bột máy, dầu nhớt máy,... được thu gom bảo quản riêng và thuê đơn vị có chức năng thu gom rác thải nguy hại xử lý. Do đặc điểm là lượng thải ít, nên thời gian thu gom sẽ tiến hành định kỳ từ 3 đến 6 tháng một lần, hoặc có thể tiến hành xử lý đột xuất nếu cần thiết.
 - + Xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt được thiết kế thu gom riêng, qua bể tự hoại 3 ngăn, sử dụng Clorin để xử lý.
 - + Xử lý nước mưa: Nước mưa được thu gom vào hệ thống thoát nước thông qua song chắn rác, qua bể lắng cát và đưa vào cống thoát nước Khu công nghiệp.
- **Không chế ô nhiễm chất thải lỏng:** Chất thải lỏng có ảnh hưởng tới môi trường chủ yếu là màu in, nhưng số lượng không nhiều; mặc dù vậy, màu in dư thừa sẽ được thu gom và bảo quản để sử dụng cho các lô hàng tiếp theo; màu in không còn sử dụng nữa sẽ được thu gom trong các phuy hoặc thùng kín và sẽ tiến hành xử lý như đối với chất thải rắn, do đơn vị có chức năng xử lý môi trường tiến hành.
- **Không chế ô nhiễm chất thải rắn:** Việc thu gom các chất phế thải rắn có tính chất nguy hại sẽ được thực hiện liên tục và tập trung tại vị trí nhất định (được quy hoạch thành khu vực riêng biệt), được phê duyệt của cơ quan quản lý môi trường, các chất thải này sẽ được đơn vị có chức năng và được phép mang đi xử lý. Công ty sẽ ưu tiên việc hoán trả bao bì cho nhà cung cấp để giảm chi phí bao bì cũng như giảm chi phí xử lý.
 - + Chất thải rắn công nghiệp có nguồn gốc từ nguyên liệu nhựa PP, PE: Toàn bộ chất thải này được sử dụng thông qua máy tái chế làm nguyên liệu cho sản xuất chính.
 - + Chất thải sản xuất rắn không nguy hại khác: Đối với nhựa thì đưa vào tái chế, đối với giấy thì thu gom bán phế phẩm cho các nhà máy giấy.
 - + Chất thải rắn nguy hại: Chất thải rắn nguy hại chủ yếu gồm: bao bì, thùng chứa các loại mực in, dung môi, cặn dầu, giẻ lau, bóng đèn neon, với khối lượng khoảng 200kg/tháng. Rác thải này được thu gom, xử lý theo 2 hướng: (i) đối với thùng chứa mực in, dung môi thì bán hoặc trao đổi lại cho nhà sản

xuất; (ii) đối với cặn dầu, giẻ lau, bóng đèn thì thu gom vào xô rác có nắp đậy (số lượng khoảng 70 kg/tháng) và thuê đơn vị cho chức năng thu gom xử lý rác thải nguy hại thu gom 3 đến 6 tháng 1 lần.

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom hàng ngày vào khu vực chứa rác thải sinh hoạt, sau đó được công ty môi trường đô thị thu gom 2 lần/ tuần.

- **Tỷ lệ trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy:** Cây xanh sẽ được duy trì trồng xung quanh nhà xưởng nhằm tạo cảnh quan thiên nhiên, cải thiện trao đổi không khí và hạn chế sự phát tán ô nhiễm bụi, ồn, khí thải ra xung quanh. Cùng với đường xá, sân bãi, tổng diện tích cây xanh và đường xá sân bãi được đảm bảo trên 20% diện tích đất sử dụng.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Trong năm sử dụng 5.000 tấn hạt nhựa để sản xuất sản phẩm. Tỷ lệ phế phẩm trong năm 2023 là 5,8%, trong đó phế phẩm được tái sinh là 90% và 100% nguyên vật liệu tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm của Công ty. Với ngành nghề sản xuất bao bì như Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ, việc tận dụng nguồn nguyên vật liệu tái chế có một ý nghĩa nhất định nếu thực sự khai thác tốt nguồn tái chế này. Ban lãnh đạo Công ty vẫn luôn khuyến khích công nhân nhà máy sử dụng nguyên vật liệu đúng và đủ nhằm tiết kiệm chi phí đầu vào, đảm bảo lợi nhuận đầu ra.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

- Tổng điện năng tiêu: 5.820.000 kWh/năm. Đối với doanh nghiệp sản xuất như Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ thường xuyên vận hành các máy móc có công suất lớn đòi hỏi mức điện năng tiêu thụ rất nhiều. Công ty đánh giá với mức sử dụng như trên là hợp lý. Ngoài ra, ý thức được việc sử dụng điện ở mức hợp lý là điều cả xã hội hiện đang quan tâm, Công ty chú ý đề ra các biện pháp như: giải pháp kỹ thuật sử dụng tiết kiệm năng lượng trong hệ thống, kỹ thuật vận hành an toàn, hiệu quả và tiết kiệm... tại các dây chuyền sản xuất trong nhà máy và phòng làm việc, tắt các thiết bị điện khi không sử dụng. Từ đó, góp phần nâng cao kiến thức quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm cho công nhân và cán bộ quản lý năng lượng, góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Song song đó, Công ty chú trọng đầu tư các thiết bị mới, duy tu, sửa chữa các thiết bị cũ, hòng học giảm thiểu mức tiêu hao nguyên, nhiên liệu.

6.4. Tiêu thụ nước:

- Nước là nguồn tài nguyên vô giá nhưng lại không vô tận, chính vì thế tiết kiệm nước luôn luôn rất cần thiết nhất là việc sử dụng nước vào trong sản xuất với một lượng lớn như hiện nay. Do hệ thống sản xuất sử dụng nước tuần hoàn nên lượng nước sử dụng tại Nhà máy chủ yếu cho mục đích sinh hoạt. Công ty sử dụng nguồn nước sạch từ nhà máy nước sạch cung cấp với tổng lượng nước sử dụng 55.000 m³

trong năm vừa qua. Ban lãnh đạo Công ty lưu ý về các phòng ban những quy định về ý thức tiết kiệm nước bằng các biện pháp:

- + Khóa kỹ các vòi nước khi không dùng, sửa chữa ngay khi có dấu hiệu nhỏ giọt.
- + Kiểm tra và khắc phục rò rỉ ống nước định kỳ để có biện pháp khắc phục nhanh nhất.
- + Tận dụng nước sử dụng nhiều lần.
- + Các biện pháp khác

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- + Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- + Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Tổng số lượng lao động bình quân trong năm là 470 người và đến thời điểm cuối năm 2023 là 510 người. Mức lương trung bình đạt được là 11 triệu đồng/người/tháng.
- Công ty có 1 cán bộ y tế chăm sóc, tư vấn sức khỏe cho CBCNV hàng ngày. Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, khám phụ khoa cho CBCNV nữ 2 lần/năm; khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV 2 lần/năm. Tính đến thời điểm hiện nay tại Công ty không có CBCNV nào bị mắc bệnh nghề nghiệp. Công ty duy trì chế độ ăn ca 25.000đ/suất ăn, bồi dưỡng hiện vật hàng ngày cho CBCNV làm tại vị trí được xác định là tiếp xúc với độc hại; hỗ trợ tiền thuê nhà trọ cho CBCNV ở xa với mức 200.000đ/người/tháng, tổ chức tặng quà bằng hiện vật hoặc bằng tiền vào các ngày lễ, sự kiện quan trọng của Công ty.
- Hoạt động đào tạo nghề chủ yếu được thực hiện đối với những lao động trực tiếp sản xuất. Người lao động khi được tuyển dụng vào Công ty sẽ được đào tạo nghề từ 1-3 tháng tùy bộ phận sản xuất. Định kỳ hàng tháng, CBCNV Công ty được tổ chức các khóa đào tạo nội bộ, trung bình 2 tiếng/tháng. Hàng năm người lao động được tái đào tạo an toàn cũng như quy trình công nghệ, vận hành đối với mỗi loại máy móc thiết bị. Đối với CBCNV khối gián tiếp và quản lý Công ty chú trọng các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp, những kỹ năng mềm như: kỹ năng bán hàng, chăm sóc khách hàng, các kỹ năng về quản lý sản xuất; lập kế hoạch; kỹ năng giải quyết công việc hiệu quả,...

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Ưu tiên tạo công ăn việc làm cho người lao động tại địa phương,
- Tích cực hưởng ứng và đóng góp cho các cuộc phát động gây quỹ như quỹ phòng chống bão lụt, thiên tai, ...
- Trao quà an sinh xã hội cho con em có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách tại

- địa phương nhân các dịp ngày Thương binh liệt sỹ, ngày khai giảng năm học.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

- Năm 2023 tiếp tục là một năm khó khăn chung cho nền kinh tế thế giới, với sự giảm sút cả tăng trưởng GDP, thương mại và đầu tư toàn cầu; trong khi nợ xấu tăng và lạm phát vẫn duy trì ở mức cao, gắn với những diễn biến căng thẳng của các xung đột chính trị, phân mảnh công nghệ, thời tiết cực đoan và dịch bệnh diện rộng... Hầu hết các nền kinh tế trên thế giới đều có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng do tổng cầu suy giảm. Những tháng cuối năm 2023 là những tháng đang chứng kiến lượng cầu suy giảm nhiều nhất trong 2 thập kỷ vừa qua. Trong nước, để chống chọi với tác động kép từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và khó khăn nội tại bên trong, nhiều giải pháp được chỉ đạo thực thi như: giảm mặt bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực; miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất, hỗ trợ doanh nghiệp,... nhưng những hạn chế, bất cập nội tại của nền kinh tế chưa thể khắc phục, ổn định kinh tế vĩ mô chưa thực sự vững chắc, các động lực tăng trưởng chính chậm lại, kim ngạch xuất khẩu giảm, nhập khẩu giảm, nợ xấu có xu hướng tăng; các ngành kinh tế chưa chuyển dịch mạnh về tăng năng suất, nhất là khu vực công nghiệp và dịch vụ; năng lực tự chủ và khả năng chống chịu còn nhiều hạn chế. Do đó, hoạt động sản xuất, kinh doanh sẽ còn tiếp tục gặp nhiều khó khăn và ngành sản xuất bao bì không đứng ngoài các tác động đó. Đánh giá được những khó khăn đó, ngay từ cuối năm 2022, Ban lãnh đạo đã chú trọng đưa ra các giải pháp liên quan đến (i) Mở rộng thị trường, chiếm khách hàng; (ii) Nâng cao phẩm cấp sản phẩm; (iii) Cải tổ quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất, cắt giảm chi phí mà chìa khóa chính là số hóa sản xuất và (iv) Đào tạo và đào tạo lại con người, tinh lọc lao động tại chỗ, tuyển dụng nguồn nhân lực tốt ra đi từ các doanh nghiệp khác như đã trình bày ở trên. Nhờ vậy, Công ty hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu, lợi nhuận so với kế hoạch đã đề ra.

2. Tình hình tài chính năm 2023 (như mục II.4)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý trong năm 2023

- Công tác kỹ thuật sản xuất: Tiếp tục cải tiến, đáp ứng điều kiện sản xuất trong điều kiện cạnh tranh gay gắt về mẫu mã và giá thành sản phẩm. Các giải pháp công nghệ liên tục được tìm tòi và đưa vào ứng dụng nhằm giảm tiêu hao nguyên vật liệu, giảm giá thành sản phẩm, đáp ứng tối đa yêu cầu của khách hàng đối với chất lượng sản phẩm cũng như quy cách mẫu mã.
- Công tác kiểm soát chất lượng hàng hóa: Duy trì tốt việc kiểm soát chặt chẽ từng công đoạn sản phẩm. Ngoài việc KCS kiểm tra theo tần suất quy định, cảnh báo lỗi sản phẩm đến quản lý các Bộ phận ngay khi phát hiện để điều chỉnh kịp thời, mỗi công nhân vận hành cũng là 1 KCS, thực hiện giám sát sản phẩm, đánh giá, ghi chép kết quả kiểm tra định kỳ trong thời gian sản xuất nhằm tăng tần suất kiểm tra, giám sát kết quả sản xuất tại từng công đoạn.

- Giám sát tuân thủ nội quy sản xuất: Cán bộ quản lý trực 24/24. Ngoài việc tập trung chỉ đạo sản xuất ca ngày, các cán bộ quản lý được thay phiên giám sát tuân thủ nội quy sản xuất vào ca đêm. Thành lập các nhóm, tổ, cử người giám sát việc tuân thủ hàng ngày về chuẩn bị điều kiện sản xuất, tần suất kiểm tra.
- Công tác quản lý chi phí: Duy trì thực hiện công tác quyết toán đơn hàng, kiểm soát cân đầu vào, đầu ra tại từng công đoạn sản xuất để xác định lượng hao hụt qua từng công đoạn; thực hiện kiểm soát phạm vi sai lệch biên độ liên quan đến khối lượng thành phẩm... Trên cơ sở đó phân tích, đánh giá các chi phí trong cơ cấu giá thành nhằm nhận diện chính xác các chi phí để kịp thời điều chỉnh các giải pháp kiểm soát và giảm chi phí nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh. Ngoài ra, thường xuyên rà soát quy định, quy trình như quy trình mua sắm, quy trình xuất nhập kho, hàng tồn kho tối thiểu,... nhằm phù hợp với điều kiện thực tế và kiểm soát tốt chi phí và tài sản của Công ty.
- Quản lý công nợ: Bằng các giải pháp kiên trì và quyết liệt, Công ty duy trì mức nợ quá hạn ở mức thấp nhất, dưới 10% so với tổng doanh thu. Do đặc thù của ngành sản xuất bao bì, đồng thời trước áp lực cạnh tranh, công nợ thường kéo dài từ 45-60 ngày. Do vậy, tổng số dư nợ bình quân hàng tháng bằng khoảng 150% doanh thu.
- Quản lý hàng hóa, sắp xếp mặt bằng: Sắp xếp mặt bằng tổng thể, quy hoạch gọn gàng theo tiêu chí dễ kiểm, dễ tìm, dễ quản lý và thuận tiện cho việc di chuyển hàng hóa. Hiện mặt bằng sản xuất được giám sát chặt chẽ hàng ngày để đảm bảo chỉ để tồn tại hàng hóa đang trong quá trình sản xuất. Đối với hàng hóa thành phẩm hoàn thành sản xuất phải được nhập kho, hoặc hàng hóa xuất dư phải được tái nhập kho nhằm bảo quản và kiểm soát được hàng hóa.
- Nâng cao phẩm cấp của sản phẩm: Ngoài việc đạt được chứng nhận FSSC cho Nhà máy sản xuất Jumbo, Công ty tiếp tục xây dựng và đạt chứng nhận FSSC cho phân xưởng Sản phẩm.

4. Chỉ tiêu chính của Kế hoạch năm 2024

| TT | Chỉ tiêu | Đvt | KH 2024 |
|----------|-----------------------------|-------------|----------------|
| 1 | Sản lượng sản xuất | | |
| - | Bao truyền thống | Tr.b | 60,00 |
| - | Bao Jumbo | Ngh.b | 600,00 |
| 2 | Sản lượng tiêu thụ | | |
| - | Bao truyền thống | Tr.b | 60,00 |
| - | Bao Jumbo | Ngh.b | 600,00 |
| 3 | Tổng doanh thu | Tỷ.đ | 403.151 |
| 4 | Tổng chi phí | Tỷ.đ | 395.652 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ.đ | 8,0 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ.đ | 6,4 |
| 7 | Vốn Điều lệ | Tỷ.đ | 42 |

5. Giải pháp thực hiện kế hoạch:

a. Công tác thị trường

- + Xây dựng kế hoạch phát triển thị trường, rà soát hàng quý để kịp thời điều chỉnh giải pháp.
- + Tăng cường công tác tiếp xúc khách hàng thông qua việc tham gia Hội chợ, đến trực tiếp gặp khách hàng và các kênh liên lạc điện tử theo quy trình, kế hoạch rõ ràng để thể hiện sự chuyên nghiệp và đáng tin cậy.
- + Chú trọng thị trường xuất khẩu, ít nhất mỗi quý đi 1 lần.
- + Chú trọng tiếp cận khách hàng bao thực phẩm.
- + Luôn đổi mới và cập nhật hình ảnh hoạt động, tăng tương tác với khách hàng, mạng xã hội để lan rộng hình ảnh của Công ty.
- + Duy trì tham gia đào tạo nội bộ để hiểu rõ về sản phẩm, về sản xuất để nâng cao chất lượng tư vấn cho khách hàng.
- + Thực hiện tốt công tác chăm sóc khách hàng, chính sách bán hàng.
- + Xử lý thông tin và phản hồi nhanh.
- + Đẩy nhanh việc số hóa và ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất để tăng độ chính xác, giảm thời gian xử lý công việc.

b. Công tác kỹ thuật công nghệ và quản lý thiết bị sản xuất

- + Xây dựng được hệ thống dữ liệu, thông số kỹ thuật của từng dòng sản phẩm, duy trì cập nhật và công khai thông tin để khâu sau nhận biết các vấn đề đang cần phải xử lý do khâu trước gây ra đồng thời có cơ sở dữ liệu lịch sử để tham khảo khi triển khai sản phẩm lặp lại.
- + Duy trì kiểm soát chặt chẽ công tác quản lý chất lượng, hạn chế sản phẩm hỏng/lỗi/phế.
- + Cụ thể, chi tiết thực hiện kế hoạch bảo dưỡng định kỳ để vận hành ổn định, hiệu suất cao, tăng tuổi thọ của máy móc thiết bị, đảm bảo chất lượng hoạt động. Chủ động kiểm tra, đánh giá hàng ngày tình trạng hoạt động của thiết bị để có phương án dự phòng kịp thời, hạn chế tối đa thời gian dừng máy do gặp sự cố.
- + Duy trì tốt việc vận hành theo hệ thống quản lý được chứng nhận ISO, FSSC.
- + Nghiên cứu ứng dụng được nguyên vật liệu tái chế, xây dựng tiêu chuẩn GRS, EN53143.
- + Hoàn thiện dự án chuyển đổi số, nâng cấp phần mềm số hóa quản lý sản xuất để quản lý.

c. Công tác quản lý vốn và chi phí

- + Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, tăng cường phòng ngừa rủi ro về tài chính.
- + Tăng cường kiểm soát nội bộ, kiểm soát chi phí trong quá trình sản xuất để đánh giá hiệu quả kịp thời.
- + Kiểm soát chặt chẽ hoạt động tiêu hao nguyên vật liệu trong quá trình sản

xuất, bàn giao giữa các công đoạn.

- + Duy trì tính kịp thời trong công tác quyết toán đơn hàng.
- + Luôn luôn rà soát, tìm kiếm đánh giá lựa chọn nhà cung cấp có chi phí tối ưu nhất.
- + Tìm hiểu và sử dụng được các nguyên liệu thay thế có giá thành rẻ hơn nhưng vẫn đảm bảo tiêu chuẩn, kỹ thuật của sản phẩm.
- + Đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến và hợp lý hóa trong sản xuất, giảm tỷ lệ phế phẩm.
- + Đặc biệt chú trọng giảm thời gian sản xuất, rút ngắn thời gian luân chuyển giữa các khâu.
- + Tăng cường công tác đánh giá, phân tích hiệu quả tài chính của các phương án kinh doanh.
- + Cơ cấu lại nguồn vốn phù hợp với tình hình SXKD của Công ty nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh được liên tục.

d. Công tác tổ chức nhân sự

- + Liên tục đào tạo và đào tạo lại để cải tổ những vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy quản lý sản xuất, quản lý chất lượng, kỹ thuật.
- + Tranh thủ hút lao động từ thị trường do các đơn vị thu hẹp, đóng cửa sản xuất.
- + Theo sát quá trình đào tạo công nhân học việc, hướng dẫn, giải thích thấu đáo để người lao động mới hiểu việc, yên tâm về chế độ làm việc;
- + Cải tiến công tác đào tạo, tuyển dụng để công tác tiếp nhận thông tin trực diện, dễ hiểu;
- + Xây dựng chi tiết và sát thực cơ chế trả lương, thưởng.
- + Tổ chức lại nhân lực ở các khâu sản xuất, phân định chính phụ để phân định trình độ tuyển dụng và quyền lợi, không cào bằng, dàn đều.
- + Định kỳ hàng quý rà soát đánh giá chất lượng lao động, định biên để bố trí hợp lý, lọc lựa nhân sự.

6. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

Không có.

7. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

- **Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:** Người chịu triển khai các chính sách vấn đề về môi trường trong Công ty là Giám đốc Công ty. Theo đó, việc triển khai cụ thể các chính sách môi trường được phân công cho Phòng Kỹ thuật Sản xuất và phòng Tổ chức Hành chính chịu trách nhiệm. Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm về môi trường theo quy định. Định kỳ thực hiện các báo cáo về công tác an toàn – sức khỏe – môi trường đến các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương. Trong năm 2023, Công ty quản lý nguồn nguyên vật liệu đầu vào một cách hợp lý để đảm bảo hoạt động sản xuất được đều đặn, đạt năng suất đồng thời cũng tiết kiệm vừa hạn chế chi phí quản lý vừa góp phần chung tay bảo

vệ môi trường. Năm 2023, tại Công ty không xảy ra tình huống vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường và không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

- **Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:** Người lao động được chăm lo đầy đủ, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cuộc sống. Công ty đã ban hành các quy định liên quan trực tiếp đến người lao động theo đúng Bộ Luật lao động, đảm bảo tính dân chủ và phù hợp với tình hình kinh doanh, mô hình quản lý của Công ty cổ phần niêm yết. Các chính sách đang thực hiện đã thể hiện sự quan tâm cao của Công ty đến lợi ích chính đáng của người lao động nhằm động viên, khích lệ người lao động phát huy, cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty.
- **Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng địa phương:** Công tác xã được Công ty quan tâm, chú trọng thông qua việc tạo công ăn việc làm cho người lao động ở địa phương và các hoạt động thiện nguyện tại địa phương nhằm thể hiện vai trò, trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng tại địa phương.

IV. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

1. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.**
 - Trong bối cảnh tổng thể vĩ mô nền kinh tế toàn cầu còn khó khăn do chịu tác động của thời kỳ hậu dịch bệnh chưa được hồi phục cùng với cuộc chiến tranh Nga – Ucraina. Hầu hết các nền kinh tế đều có sự giảm sút cả tăng trưởng GDP, thương mại và đầu tư toàn cầu; trong khi nợ xấu tăng và lạm phát vẫn duy trì ở mức cao. Tổng cầu suy giảm, hàng loạt doanh nghiệp phải đóng cửa, hàng triệu người lao động nghỉ chờ việc... Trong bối cảnh đó, Công ty vẫn hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra, gọi trở lại lực lượng lao động đã cho nghỉ việc trong năm 2022 và giữ được nhịp độ phát triển của những năm qua là kết quả đáng tự hào đối với Công ty. Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành khi đạt được kết quả trong năm vừa qua, là cơ sở để tiếp tục tin tưởng vào sự phát triển quy mô tương những năm tới đây.
2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty**
 - Kết thúc năm 2023, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ và đúng theo các chỉ đạo của Hội đồng quản trị đề ra. Ban điều hành đã tổ chức triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT một cách đầy đủ, kịp thời giúp hoạt động sản xuất – kinh doanh tại công ty ổn định và có hiệu quả.
3. **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**
 - Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 và bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới 2024-2029.
 - Tiếp tục tổ chức công việc của HĐQT theo hướng tăng cường trách nhiệm nhằm tăng hiệu quả quản trị của HĐQT và hiệu quả trong điều hành của Ban điều hành.

- Tổ chức các phiên họp thường kỳ hàng quý và đột xuất (nếu cần) trên tinh thần các cuộc họp có hiệu quả, giải quyết được những vấn đề cần thiết cho Công ty và những kiến nghị của Ban điều hành.
- Cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền phê duyệt/cho ý kiến của Hội đồng quản trị.
- Tiếp tục rà soát, bổ sung, hiệu chỉnh hệ thống các quy chế, quy trình, quy định, phù hợp với tình hình mới.
- Chỉ đạo, giám sát Ban Điều hành thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 theo Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT Công ty.
- Tiếp tục cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, mô hình công ty niêm yết và tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát nội bộ, công tác phòng ngừa rủi ro trong mọi hoạt động của Công ty.
- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao chất lượng, năng suất lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 được Hội đồng quản trị thông qua và Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.
- Đề xuất đầu tư mở rộng, nâng cao năng lực sản xuất khai thác khu đất trống tại Công ty.
- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác khi ĐHĐCĐ giao.
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

V. Quản trị công ty/Corporate governance

1. Hội đồng quản trị

a. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

ÔNG TRẦN THƯỢNG TÍN – CHỦ TỊCH HĐQT

- Năm sinh: 1969
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ ngành Tổ chức và quản lý vận tải
Cử nhân kinh tế, ngành quản trị kinh doanh
Đại học ngân hàng, Tiền tệ - tín dụng
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| Từ 1990 -1991 | Trung tâm Tài chính tín dụng Côn Đảo – Thuộc Công ty Phát triển kinh tế Côn Đảo | Nhân viên kế toán |
| Từ 1992 – 1998: | Công ty Đầu tư Xây Dựng và Thương Mại Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Kế toán tổng hợp. |
| Từ 1998 - 2003 | Công ty Đầu tư Xây Dựng và Thương Mại Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Phó phòng Tài chính – Kế toán |
| Từ 2003- 2004 | Công ty TNHH Hương Phong | Phó phòng Tài chính – Kế toán |
| Từ 2004 - 2015 | Công ty TNHH Hương Phong | Kế toán trưởng |
| Từ 2015 - 2022 | Công ty TNHH Hương Phong | Phó Giám đốc |
| Từ 2022 – nay | Công ty TNHH Hương Phong | Giám đốc |
| Từ 04-06/2019 | Công ty Cp Bao bì Đạm Phú Mỹ | Thành viên Hội đồng quản trị |
| Từ 06/2019 đến nay | Công ty Cp Bao bì Đạm Phú Mỹ | Chủ tịch Hội đồng quản trị |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Hương Phong
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
 - Sở hữu đại diện cho Công ty TNHH Hương Phong: 1.428.000 cổ phần, chiếm 34% vốn điều lệ.
 - Những người có liên quan: Công ty TNHH Hương Phong nắm giữ 1.680.000 cổ phần chiếm 40% vốn Điều lệ.

ÔNG TRẦN ANH TÚ – THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM GIÁM ĐỐC

(Thông tin như trên Ban điều hành)

ÔNG LÊ HỒNG QUÂN – THÀNH VIÊN HĐQT

- Năm sinh: 1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD, Cử nhân Kinh tế

- Quá trình công tác

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|----------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| Từ 05/1995 – 03/2000 | Công ty xây dựng và SXVLXD – Tổng Cty XD số 1 – Bộ XD | Chuyên viên kế toán |
| Từ 04/2000 – 01/2002 | Công ty xây dựng và SXVLXD – Tổng Cty XD số 1 – Bộ XD | Phó phòng Kế toán |
| Từ 02/2002 – 07/2007 | Công ty xây dựng và SXVLXD – Tổng Cty XD số 1 – Bộ XD | Kế toán trưởng |
| Từ 08/2007 – 08/2007 | Ban quản lý Dự án Điện Nhơn Trạch | Phó phòng TCKT |
| Từ 09/2007 – 12/2007 | Ban quản lý Dự án Điện Nhơn Trạch | Kế toán trưởng |
| Từ 01/2008 - 04/2009 | Công ty tư vấn QLDA điện lực Dầu khí 2 | Kế toán trưởng |
| Từ 05/2009 - 04/2010 | Nhà máy Đạm Phú Mỹ | Phó Bí thư chi bộ, Kế toán trưởng |
| Từ 05/2010 – nay | Nhà máy Đạm Phú Mỹ | UV BCH Đảng bộ, |
| Từ 4/2012 – nay | CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ | TV HĐQT |

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Nhà máy Đạm Phú Mỹ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - Sở hữu đại diện của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí: 504.000 cổ phần, chiếm 12% vốn điều lệ.
 - Những người có liên quan: Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí sở hữu 1.820.300 cổ phần chiếm 43,34% vốn điều lệ.

ÔNG CAO VĨNH HẬU – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Thông tin như trên Ban điều hành)

ÔNG NGUYỄN HỮU DŨNG – THÀNH VIÊN HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 1968
- Nơi sinh: Ân Phú – Vũ Quang – Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------|
| 7/1998 - 7/2003 | Khách sạn Vũng Tàu – Công ty Đầu tư phát triển Xây dựng – Bộ Xây dựng | Trưởng phòng Tổ chức Hành chính |
| 8/2003 - 8/2019 | Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC | Trưởng phòng Tổ chức Hành chính |
| Từ 9/2019 đến nay | Công ty TNHH Hương Phong | Chánh Văn phòng |

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 252.000 cổ phần (Công ty TNHH Hương Phong), chiếm 6% vốn điều lệ
- Người có liên quan: Công ty TNHH Hương Phong sở hữu 1.680.000 cổ phần chiếm 40% vốn điều lệ.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Các phiên họp HĐQT chính thức và xin ý kiến bằng văn bản được ban hành thông qua Nghị quyết cuộc họp trong năm 2023 như sau:

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định. | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|-------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 1 | 01/BB - HĐQT | 30/01/2023 | Biên bản HĐQT về việc phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2023 | 100% |
| 2 | 02/NQ - HĐQT | 30/01/2023 | Nghị quyết HĐQT về việc phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2023 | 100% |
| 3 | 03/NQ - HĐQT | 14/02/2023 | Biên bản HĐQT về việc phê duyệt Kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên và thông qua ngày chốt danh sách cổ đông dự họp | 100% |
| 4 | 04/NQ - HĐQT | 14/02/2023 | Nghị quyết HĐQT về việc phê duyệt Kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên và thông qua ngày chốt danh sách cổ đông dự họp | 100% |
| 5 | 05/BB – HĐQT | 23/03/2023 | Biên bản họp HĐQT Quý 1 | 100% |
| 6 | 06/NQ- HĐQT | 23/03/2023 | Nghị quyết thông qua việc ký kết Hợp đồng với Người có liên quan | 100% |
| 7 | 07/ BB – HĐQT | 23/03/2023 | Nghị quyết họp HĐQT quý 1 | 100% |

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định. | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|-------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 8 | 10/BB - HĐQT | 15/06/2023 | Biên bản HĐQT thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán | 100% |
| 9 | 11/NQ - HĐQT | 15/06/2023 | Nghị quyết HĐQT thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán | 100% |
| 10 | 12/BB - HĐQT | 27/06/2022 | Biên bản họp HĐQT quý 2 | 100% |
| 11 | 13/NQ - HĐQT | 27/06/2022 | Nghị quyết họp HĐQT quý 2 | 100% |
| 12 | 14/BB - HĐQT | 10/07/2023 | Biên bản tổng hợp ý kiến TV HĐQT về việc bổ nhiệm Phó Giám đốc KTSX | 100% |
| 13 | 15/NQ - HĐQT | 10/07/2023 | Nghị quyết HĐQT về việc bổ nhiệm Phó Giám đốc KTSX | 100% |
| 14 | 101/QĐ - BBĐPM | 10/07/2023 | Bổ nhiệm PGĐ KTSX | 100% |
| 15 | 16/BB - HĐQT | 20/07/2023 | Biên bản HĐQT thông qua việc vay vốn tại VCB | 100% |
| 16 | 17/BB - HĐQT | 20/07/2023 | Nghị quyết HĐQT thông qua việc vay vốn tại VCB | 100% |
| 17 | 18/BB - HĐQT | 27/09/2023 | Biên bản họp HĐQT quý 3 | 100% |
| 18 | 19/NQ - HĐQT | 27/09/2023 | Nghị quyết họp HĐQT quý 3 | 100% |
| 19 | 20/BB - HĐQT | 02/10/2023 | Biên bản HĐQT thành lập Phòng Điều độ Thống kê. | 100% |
| 20 | 21/NQ - HĐQT | 27/06/2022 | Nghị quyết HĐQT thành lập Phòng Điều độ Thống kê. | 100% |
| 21 | 22/BB - HĐQT | 01/11/2023 | Biên bản HĐQT thông qua việc vay vốn tại MBBank | 100% |
| 22 | 23/BB - HĐQT | 28/12/2023 | Biên bản họp HĐQT quý 4 | 100% |
| 23 | 24/NQ - HĐQT | 28/12/2023 | Nghị quyết họp HĐQT quý 4 | 100% |

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

- Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2023, HĐQT với 05 thành viên đương nhiệm đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt theo chuẩn mực quản trị của Công ty cổ phần. HĐQT ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn.
- Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban Điều hành thông qua việc tham giám sát triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT. Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành hoạt động của Công ty thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT. Trực tiếp chỉ đạo và

góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty.

- Hội đồng quản trị làm việc thông qua các phiên họp định kỳ và bất thường, lấy ý kiến các thành viên thông qua hình thức phiếu xin ý kiến bằng văn bản để ban hành các nghị quyết, quyết định, thông qua những nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty. Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp chính thức và cho ý kiến bằng văn bản. Các nội dung đã được thông qua như sau:
 - + Thông qua kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty.
 - + Phê duyệt và giao triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023;
 - + Chỉ đạo Ban điều hành lập kế hoạch dòng tiền năm 2023 và kiểm soát chặt chẽ thực hiện kế hoạch dòng tiền.
 - + Thông qua kế hoạch tổ chức và tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2023;
 - + Thông qua việc ký kết các Hợp đồng kinh tế với Người có liên quan
 - + Phê duyệt hạn mức công nợ phải thu từng quý;
 - + Phê duyệt hạn mức tín dụng tại các ngân hàng;
 - + Bổ nhiệm Phó Giám đốc Kỹ thuật sản xuất kể từ ngày 01/08/2023.
 - + Thành lập Phòng Điều độ Thống kê.
 - + Phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023;
 - + Thực hiện chia cổ tức năm 2022;
 - + Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023;
 - + Ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ, Quy chế Công bố thông tin sửa đổi; Quy chế tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến (tiếp tục trình Đại hội cổ đông thông qua bổ sung trong Quy chế quản trị nội bộ Công ty).
 - + Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục nghiên cứu, báo cáo đề xuất đầu tư khai thác 2ha đất trống.
 - + Chỉ đạo xây dựng kế hoạch năm 2024.
 - + Thống nhất kế hoạch tổ chức Tổng kết, Tất niên Công ty theo báo cáo của Giám đốc Công ty.

f. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

- Trong năm qua, các nội dung của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được HĐQT triển khai đầy đủ. Các ý kiến đề xuất của các cổ đông được các thành viên HĐQT chỉ đạo thực hiện.

- Tổ chức cuộc họp: HĐQT Công ty đã họp định kỳ và bất thường theo đúng quy định để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT, sau mỗi cuộc họp đều có biên bản và nghị quyết triển khai thực hiện.
 - Lấy ý kiến bằng văn bản: Kịp thời lấy kiến các thành viên trong HĐQT để triển khai các thủ tục liên quan đến công tác quản lý, đầu tư, kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - Ban hành văn bản pháp chế: Kịp thời ban hành/sửa đổi tất cả quy chế, quy định để thích ứng với những thay đổi theo quy định mới của Nhà nước.
 - Chỉ đạo và giám sát hoạt động điều hành: Thường xuyên giám sát hoạt động của BDH thông qua các báo cáo hoạt động định kỳ quý, năm và các yêu cầu báo cáo phát sinh. Trên cơ sở đó chỉ đạo Ban điều hành triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và các nội dung khác thuộc thẩm quyền HĐQT.
- g. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.**
- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Trần Thượng Tín, Trần Anh Tú, Cao Vĩnh Hậu, Lê Hồng Quân
 - Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia trong năm các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

ÔNG CHU XUÂN HẢI – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- Năm sinh: 1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân luật kinh doanh
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------|---------------------------------------------|--------------------------------|
| 08/2006 - 05/2007 | Văn Phòng Đại Diện DIO Implant tại Việt Nam | Nhân viên kinh doanh |
| 06/2007 - 06/2008 | Ngân hàng TMCP Nam Việt | Chuyên viên quan hệ khách hàng |
| 07/2008 - 05/2010 | Ngân hàng TMCP Liên Việt – CN Tân Bình | Chuyên viên quan hệ khách hàng |

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|--------------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 06/2010 - 06/2011 | Ngân hàng TPCP Liên Việt Phòng Giao Dịch Tân Sơn Nhất | Quyền Giám Đốc |
| 08/2011 - 10/2011 | Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam CN Gia Định | Phó phòng kiêm trưởng nhóm Khách hàng doanh |
| 10/2011 - 03/2015 | Tổng Công ty Phân bón và Hóa Chất Dầu khí | Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán |
| 04/2015 - nay | Tổng Công ty Phân bón và Hóa Chất Dầu khí | Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ |
| Từ 11/2013 đến nay | CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ | Trưởng Ban kiểm soát |

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí sở hữu 1.820.300 cổ phần, chiếm 43,34% vốn điều lệ.

BÀ NGUYỄN THỊ THU OANH – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Ngày sinh: 1972
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------|
| 8/1996 - 5/2008 | Công ty Liên Doanh Cityview | Chuyên viên kế toán |
| 5/2008 - 10/2009 | Công ty Liên Doanh Cityview | Phó phòng kế toán |
| 10/2009 đến nay | TCT Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP | Thành viên Ban Kiểm soát |
| Từ năm 2011 đến nay | CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ | Thành viên Ban kiểm soát |

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên BKS - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

- Sở hữu của người có liên quan: Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí sở hữu 1.820.300 cổ phần, chiếm 43,34% vốn điều lệ.

ÔNG PHẠM VĂN KHÁNH – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Ngày sinh: 18/11/1966
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
| 9/1986 – 8/1989 | Trung đoàn 434, Quân đoàn 4 | Chiến sỹ tài vụ Trung đoàn 434 |
| 9/1989 – 8/1983 | XN Cơ điện lạnh, Công ty đầu tư xây dựng và thương mại | Nhân viên phòng kế hoạch – kinh doanh |
| 9/1993 – 12/1997 | Trường đại học Mở Bán Công TP HCM và Xí nghiệp Cơ điện lạnh thuộc Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại | Học đại học và là Nhân viên phòng kế hoạch –kinh doanh |
| 1/1997 – 12/1998 | Xí nghiệp Cơ điện lạnh thuộc Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại | Nhân viên phòng kế hoạch – kinh doanh |
| 1/1999 – 05/2003 | Công ty phát hành phim và chiếu bóng Tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu | Kế toán tổng hợp |
| 6/2003- 12/2003 | Công ty TNHH Hương Phong | Kế toán tổng hợp |
| 12/2003-10/2016 | Công ty TNHH Hương Phong | Phó phòng Kế toán |
| 10/2016 - 2022 | Công ty TNHH Hương Phong | Kế toán trưởng |
| Từ 2022 đến nay | Công ty TNHH Hương Phong | Phó Giám đốc |
| 05/2008 – nay | Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú | Thành viên Ban kiểm soát |

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: PGĐ- Công ty TNHH Hương Phong
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: Công ty TNHH Hương Phong sở hữu 1.680.000 cổ phần chiếm 40% vốn điều lệ.

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên các thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Được sự ủy quyền của ĐHĐCĐ, Ban Kiểm soát đã giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023, giám sát hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành của Ban Giám đốc.

- Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã tổ chức 4 cuộc họp để đánh giá kết quả kiểm tra giám sát và thảo luận về kế hoạch kiểm tra giám sát quý tiếp theo và thực hiện lấy ý kiến bằng email các vấn đề: Báo về hoạt động của Ban Kiểm soát; Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát; Thẩm định báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm;
 - Ban Kiểm soát đã thông báo kết quả kiểm tra giám sát hàng quý đến HĐQT, Giám đốc Công ty về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty đồng thời đã có những kiến nghị về việc: Kiểm soát công nợ và thu hồi các khoản nợ quá hạn, kiểm soát hàng tồn kho; đẩy mạnh công tác kinh doanh dòng bao jumbo; kiểm soát chi phí; kiểm soát các khoản vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động nằm trong hạn mức được phê duyệt; giảm tỷ lệ nợ trên tổng tài sản nâng cao khả năng thanh khoản;
 - Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề trong phiên họp;
 - Trong năm 2023 Ban Kiểm soát không nhận được khiếu nại nào về hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị và hoạt động điều hành của Giám đốc Công ty.
- 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.**
- a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, BDH.**

| STT | Họ và Tên | Chức vụ | Thù lao thực nhận (đ) | Thưởng | Cộng (VNĐ) |
|--------------------------|----------------------------------------------|--------------|-----------------------|---------------|-------------|
| Hội đồng quản trị | | | | | |
| 1 | Trần Thượng Tín | Chủ tịch | 53,333,333 | 5,000,000 | 58,333,333 |
| 2 | Trần Anh Tú | Thành viên | 46,666,667 | 5,000,000 | 51,666,667 |
| 3 | Lê Hồng Quân | Thành viên | 46,666,667 | 5,000,000 | 51,666,667 |
| 4 | Nguyễn Hữu Dũng | Thành viên | 46,666,667 | 5,000,000 | 51,666,667 |
| 5 | Cao Vĩnh Hậu | Thành viên | 46,666,667 | 5,000,000 | 51,666,667 |
| Ban Kiểm soát | | | | | |
| 1 | Chu Xuân Hải | Trưởng Ban | 40,000,000 | 5,000,000 | 45,000,000 |
| 2 | Phạm Văn Khánh | Thành viên | 26,666,667 | 5,000,000 | 31,666,667 |
| 3 | Nguyễn Thị Thu Oanh | Thành viên | 26,666,667 | 5,000,000 | 31,666,667 |
| Ban điều hành | | | | | |
| | | | Lương | Thưởng | Cộng |
| 1 | Trần Anh Tú | Giám đốc | 668,733,640 | 133,683,115 | 802,416,755 |
| 3 | Võ Thị Huệ | Phó Giám đốc | 499,509,820 | 98,816,456 | 575,294,436 |
| 2 | Cao Vĩnh Hậu | KTT | 476,477,980 | 95,584,509 | 595,094,329 |
| 4 | Vũ Nguyên Hòa (Bổ nhiệm từ ngày 1/8/2023) | Phó Giám đốc | 169,010,060 | 2,750,000 | 171,760,060 |

b. **Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:** Không có

c. **Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:**

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan | Thời điểm giao dịch | Số NQ thông qua, ngày ban hành | Nội dung | Giá trị giao dịch (tr.đ) | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------------|--------------------------------|--------------------|--------------------------|---------|
| 1 | Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn | Năm 2023 | 09/NQ-ĐHĐCĐ 26/04/2023 | Mua bán bao bì | 257.246 | |
| 2 | Các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Người có liên quan của Cổ đông lớn | Năm 2023 | 09/NQ-ĐHĐCĐ 26/04/2023 | Mua bán bao bì | 95 | |
| 3 | Công ty TNHH Hương Phong | Cổ đông lớn | Năm 2023 | 06/NQ-HĐQT 23/03/2023 | Thuê kho bãi | 1.891 | |
| 4 | Công ty TNHH Logistic CEA Hương Phong | Người có liên quan của Cổ đông lớn | Năm 2023 | | Thuê xe vận chuyển | 471 | |

d. **Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty.

Công ty chưa đáp ứng được yêu cầu về thành viên Hội đồng quản trị độc lập là do Công ty chưa tìm được ứng viên phù hợp để tiến hành bầu. Nội dung này đã được báo cáo đến các cổ đông và đề nghị các cổ đông cùng Công ty tiếp tục tìm ứng viên và sẽ trình đề xuất bầu khi tìm thấy ứng viên phù hợp.

VI. Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: đồng

| Chỉ tiêu | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN | | |
| A- TÀI SẢN NGẮN HẠN | 175,102,436,132 | 172,855,954,729 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 14,573,055,252 | 13,319,099,295 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 75,843,628,904 | 82,089,105,911 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 64,234,232,397 | 73,880,613,270 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 6,887,533,742 | 3,786,234,142 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 4,721,862,765 | 4,422,258,499 |
| IV. Hàng tồn kho | 79,299,681,810 | 76,326,010,676 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 5,386,070,166 | 1,121,738,847 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 989,527,805 | 934,060,709 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 4,396,542,361 | 187,678,138 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 63,190,134,712 | 66,684,500,205 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 1,828,070,280 | 1,828,070,280 |
| II. Tài sản cố định | 58,190,559,096 | 60,239,748,849 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 50,363,241,360 | 48,766,155,323 |
| - Nguyên giá | 157,658,460,492 | 148,893,666,497 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | (107,295,219,132) | (100,127,511,174) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 7,659,616,229 | 11,473,593,526 |
| - Nguyên giá | 17,836,217,794 | 17,836,217,794 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | (10,176,601,565) | (6,362,624,268) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 167,701,507 | - |
| - Nguyên giá | 550,697,000 | 353,242,000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | (382,995,493) | (353,242,000) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 974,815,894 | 2,464,041,839 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 2,196,689,442 | 2,152,639,237 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 238,292,570,844 | 239,540,454,934 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đvt: đồng

| Chỉ tiêu | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| NGUỒN VỐN | | |
| NỢ PHẢI TRẢ | 169,559,092,932 | 171,994,676,649 |
| I. Nợ ngắn hạn | 167,248,912,432 | 166,936,353,723 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 32,904,099,252 | 19,922,876,085 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 3,442,610,945 | 4,422,131,495 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 1,990,304,848 | 1,348,333,233 |
| 4. Phải trả người lao động | 14,694,813,054 | 10,660,109,062 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 1,661,675,469 | 2,416,814,261 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 850,610,491 | 970,685,887 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 110,276,839,312 | 126,145,420,392 |
| 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 1,427,959,061 | 1,049,983,308 |
| II. Nợ dài hạn | 2,310,180,500 | 5,058,322,926 |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 2,310,180,500 | 5,058,322,926 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 68,733,477,912 | 67,545,778,285 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 68,733,477,912 | 67,545,778,285 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 42,000,000,000 | 42,000,000,000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 42,000,000,000 | 42,000,000,000 |
| 2. Vốn khác của chủ sở hữu | 4,702,789,696 | 4,702,789,696 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 14,684,897,840 | 13,613,614,087 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 7,345,790,376 | 7,229,374,502 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 46,806,996 | 87,482,813 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 7,298,983,380 | 7,141,891,689 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 238,292,570,844 | 239,540,454,934 |

Văn Thị Hoài Hương
Người lập biểu

Cao Vĩnh Hậu
Kế toán trưởng

Trần Anh Tú
Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

| Chỉ tiêu | Số lũy kế từ đầu năm đến cuối năm này (Năm nay) | Số lũy kế từ đầu năm đến cuối năm này (Năm trước) |
|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 447.932.184.229 | 397.195.826.945 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | 1.85.127.876 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 447.932.184.229 | 396.110.699.069 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 396.919.818.456 | 347.340.229.647 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 51.012.365.773 | 48.770.469.422 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 732.807.120 | 817.212.612 |
| 7. Chi phí tài chính | 7.542.728.589 | 4.760.545.142 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 6.537.205.355 | 4.347.144.806 |
| 8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết | | |
| 9. Chi phí bán hàng | 12.342.149.419 | 9.621.669.760 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 20.530.525.485 | 21.759.054.207 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)} | 11.329.769.400 | 13.446.412.925 |
| 12. Thu nhập khác | 306.595.920 | 2.779.328.161 |
| 13. Chi phí khác | 710.423.347 | 764.789.561 |
| 14. Lợi nhuận khác(40=31-32) | (403.827.427) | 2.014.538.600 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40) | 10.925.941.973 | 15.460.951.525 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 2.245.312.080 | 3.560.535.441 |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | | |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52) | 8.680.629.893 | 11.900.416.084 |
| 18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | | |
| 18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | | |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*) | 1.774 | 2.408 |
| 20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | | |

Văn Thị Hoài Hương
Người lập biểu

Cao Vĩnh Hậu
Kế toán trưởng

Trần Anh Tú
Giám đốc

Chi tiết BCTC sau kiểm toán đã được công bố thông tin trên website: www.dpmp.vn.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu: VT, ...

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CÔNG TY
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC

Trần Anh Tú